

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG**  
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CÔNG TY TNHH MTV**

Đ/c: Số 125D Phố Minh Khai - Quận Hai Bà Trưng - Tp Hà Nội

---

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	02 - 04
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	05 - 06
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 28
Phụ lục số 01: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu	29

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH Một thành viên (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### **KHÁI QUÁT CHUNG**

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng được thành lập theo quyết định số 993/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại các Đơn vị của Liên hiệp các Xi nghiệp Cơ khí Xây dựng thuộc Bộ Xây dựng. Theo Quyết định số 94/TĐSD-HĐQT ngày 30/6/2010 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Sông Đà, Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty TNHH Một thành viên. Theo Quyết định số 915/QĐ-BXD ngày 18/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thi quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng được chuyển giao từ Tập đoàn sông Đà về Bộ Xây dựng. Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106553 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/11/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25/11/2014.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại số 125D Phố Minh Khai - Phường Minh Khai - Q. Hai Bà Trưng - TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 107.000.000.000 đồng (Một trăm linh bảy tỷ đồng chẵn).

Đến thời điểm ngày 31/12/2015, Tổng Công ty có 04 Đơn vị hạch toán phụ thuộc (Đơn vị cấp dưới), 08 Công ty con, 01 Công ty liên doanh và 02 Công ty liên kết, cụ thể:

#### ***Các Đơn vị hạch toán phụ thuộc (Đơn vị cấp dưới)***

- COMA 1 - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng
- COMA 15 - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng
- Trung tâm Xuất nhập khẩu - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng
- Nhà máy cơ khí Quang Minh - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng

#### ***Các Công ty con***

- Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)
- Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (COMA 16)
- Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17)
- Công ty cổ phần COMA 18 (COMA 18)
- Công ty cổ phần Khóa Minh Khai
- Công ty cổ phần Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước (COMAEL)
- Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư và thiết bị số 27 (Coma 27)
- Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và dịch vụ phát triển nông thôn

#### ***Các Công ty liên doanh***

- Công ty Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma

#### ***Các Công ty liên kết***

- Công ty cổ phần Cơ khí và Đầu tư xây dựng số 9
- Công ty cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA 25

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 29 kèm theo.

## TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CÔNG TY TNHH MTV

Đ/c: Số 125D Phố Minh Khai - Quận Hai Bà Trưng - Tp Hà Nội

### CÁC SỰ KIỆN CÓ ẢNH HƯỞNG LỚN ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015

Ngày 23/12/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 2368/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng và chuyển thành Công ty cổ phần. Theo Quyết định này thì Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 350.000.000.000 đồng, cổ phần Nhà nước chiếm 51% vốn điều lệ. Năm 2018, tỷ lệ Nhà nước nắm giữ giảm xuống 40% vốn điều lệ.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 09/3/2016, Bộ Xây dựng có quyết định số 211/QĐ-BXD về việc Thực hiện bán cổ phần lần đầu của Công ty mẹ- Tổng công ty Cơ khí Xây dựng. Theo đó tiến trình cổ phần hoá đang được tiếp tục thực hiện.

Ngày 30/3/2016, Bộ Xây dựng đã có công văn số 560/BXD-QLDN về việc: thoái vốn cổ phần của COMA tại Công ty CP COMA 18. Theo đó Công tác thoái vốn tại Công ty CP COMA 18 đang được tiếp tục thực hiện.

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

#### Các thành viên của Hội đồng thành viên bao gồm

Ông Lê Văn Khương	Chủ tịch	
Ông Dương Văn Hồng	Thành viên	
Ông Lê Quân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/03/2015
Ông Phạm Việt Hùng	Thành viên	
Ông Trịnh Nam Hải	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 10/08/2015

#### Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Dương Văn Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thế Thủy	Kế toán trưởng

#### Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Ông Vũ Đức Đại	Kiểm soát viên	
Bà Lê Thị Thanh	Kiểm soát viên	
Bà Bùi Thị Thu Hiền	Kiểm soát viên	Miễn nhiệm ngày 14/10/2015

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Tổng Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

## TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CÔNG TY TNHH MTV

Đ/c: Số 125D Phố Minh Khai - Quận Hai Bà Trưng - Tp Hà Nội

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 08 tháng 05 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



Dương Văn Hồng

Số: 1498/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc TCT Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH Một thành viên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty Cơ khí Xây dựng – Công ty TNHH Một thành viên, được lập ngày 04/04/2016, từ trang 07 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tổng Công ty đang trong tiến trình thực hiện cổ phần hóa, tuy nhiên tại thời điểm 31/12/2015, Tổng công ty đang tạm tính dự phòng đầu tư tài chính dài hạn đối với các khoản đầu tư vào các Công ty Cổ phần COMA 18, Công ty TNHH MTV Xây lắp & Kinh doanh Vật tư Thiết bị số 27, Công ty TNHH MTV Decomex với tổng giá trị dự phòng là 26.307.982.116 đồng.

Chỉ tiêu thuế và các khoản phải nộp Nhà nước là số tạm tính, số phải nộp chính thức sẽ được xác định lại khi quyết toán thuế.

Năm 2015 các Chi nhánh của Tổng Công ty chưa đạt kế hoạch doanh thu được giao. Ảnh hưởng của vấn đề này chưa được tính đến trong các khoản mục chi phí.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



---

**TỔNG THỊ BÍCH LAN**

**Phó Tổng Giám đốc**

*Giấy CNĐKHNKT số 0060-2014-126-1*

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2016

---

**NGUYỄN QUANG THIÊN**

**Kiểm toán viên**

*Giấy CNĐKHNKT số 3322-2015-126-1*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2015	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>702.486.306.403</b>	<b>833.964.794.277</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>27.477.168.131</b>	<b>34.511.476.302</b>
1. Tiền	111	V.01	27.477.168.131	34.511.476.302
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>10.117.500.000</b>	<b>30.744.761.291</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.117.500.000	30.744.761.291
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>556.301.955.791</b>	<b>638.661.124.286</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	303.218.248.364	415.480.370.851
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.987.074.359	8.295.571.440
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		20.026.028.879	9.452.631.059
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	224.366.406.057	231.879.362.254
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(375.563.529)	(26.526.572.979)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		79.761.661	79.761.661
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	<b>105.390.534.619</b>	<b>129.497.362.344</b>
1. Hàng tồn kho	141		105.390.534.619	129.497.362.344
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.199.147.862</b>	<b>550.070.054</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	2.555.996.417	1.243.251
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		626.655.303	532.330.661
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	16.496.142	16.496.142
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>288.488.996.187</b>	<b>501.221.310.132</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>77.116.408</b>	<b>76.222.378</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04	77.116.408	76.222.378
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>135.710.470.057</b>	<b>396.392.779.225</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	133.621.225.125	108.846.610.503
- Nguyên giá	222		185.386.606.951	160.256.987.243
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(51.765.381.826)	(51.410.376.740)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	2.089.244.932	287.546.168.722
- Nguyên giá	228		2.247.694.932	287.685.710.392
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(158.450.000)	(139.541.670)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.09</b>	<b>-</b>	<b>5.628.520.278</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	5.628.520.278
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>149.229.518.446</b>	<b>93.071.826.755</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		142.854.309.244	127.582.233.098
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		24.590.462.578	28.260.759.574
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8.092.728.740	16.533.728.740
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(26.307.982.116)	(79.304.894.657)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.471.891.276</b>	<b>6.051.961.496</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	3.251.920.930	5.831.991.150
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		219.970.346	219.970.346
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>990.975.302.590</b>	<b>1.335.186.104.409</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015  
( Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2015	01/01/2015
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>773.853.711.115</b>	<b>1.213.477.856.799</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>772.819.146.721</b>	<b>1.198.859.592.520</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	205.704.806.994	236.875.853.110
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	39.025.779.030	34.642.830.440
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	149.217.183.960	172.138.187.994
4. Phải trả người lao động	314		6.983.614.585	14.494.442.312
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	70.732.023.202	146.067.700.777
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.993.611.916	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	217.813.564.747	509.825.668.820
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	80.553.561.740	83.550.352.831
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		641.568.038	2.111.123.727
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		(846.567.491)	(846.567.491)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.034.564.394</b>	<b>14.618.264.279</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.034.564.394	13.722.368.279
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	-	895.896.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>217.121.591.475</b>	<b>121.708.247.610</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>214.240.361.561</b>	<b>118.771.540.288</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		101.341.009.820	101.649.771.326
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		101.341.009.820	101.649.771.326
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		116.898.927.591	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		235.536.647	235.536.647
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		25.423.915.337	25.423.915.337
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(29.659.027.834)	(8.537.683.022)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(29.659.027.834)	(8.537.683.022)
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>2.881.229.914</b>	<b>2.936.707.322</b>
1. Nguồn kinh phí	431		2.881.229.914	2.936.707.322
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>990.975.302.590</b>	<b>1.335.186.104.409</b>

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu



Chu Hồng Hòa

Kế toán trưởng



Lê Thế Thủy

Tổng Giám đốc



Dương Văn Hồng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	725.711.193.963	1.095.244.017.338
2. Các khoản giảm trừ	02		68.400.000	171.000.000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		725.642.793.963	1.095.073.017.338
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	646.623.406.165	757.363.001.337
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		79.019.387.798	337.710.016.001
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	22.126.904.949	21.989.281.004
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.476.794.695	38.139.152.858
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.342.618.152	8.575.273.567
8. Chi phí bán hàng	25		294.341.361	1.700.360.918
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	32.694.787.168	43.884.432.630
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60.680.369.523	275.975.350.599
11. Thu nhập khác	31	VI.5	723.334.144	1.732.713.086
12. Chi phí khác	32	VI.6	18.098.945.835	41.204.157.769
13. Lợi nhuận khác	40		(17.375.611.691)	(39.471.444.683)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43.304.757.832	236.503.905.916
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	12.220.465.763	63.656.572.475
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(874.532.202)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		31.084.292.069	173.721.865.643

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu



Chu Hồng Hòa

Kế toán trưởng



Lê Thế Thủy

Tổng Giám đốc



Dương Văn Hồng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Theo phương pháp gián tiếp

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: đồng	
		Năm 2015	Năm 2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	43.304.757.832	236.503.905.916
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	8.502.820.069	7.547.375.443
- Các khoản dự phòng	03	(2.976.517.760)	33.214.310.629
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(14.565.131.333)	(19.168.122.792)
- Chi phí lãi vay	06	5.342.618.152	8.575.273.567
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	39.608.546.960	266.672.742.763
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	154.044.714.983	74.128.081.510
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	15.421.764.925	21.011.697.730
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(400.079.580.202)	(75.263.155.563)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	25.317.054	(2.879.295.390)
- Tăng/(giảm) chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.940.785.568)	(19.466.762.245)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(48.339.230.066)	(6.383.604.198)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	202.451.545.912	1.282.862.428
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(55.477.408)	(72.932.003.772)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(42.863.183.410)</b>	<b>186.170.563.263</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.057.268.183)	(36.774.433.176)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.409.250.000	285.493.637
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(16.804.483.434)	(22.229.122.242)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	42.232.252.725	30.490.179.797
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	7.770.720.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.197.341.844	3.241.288.974
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>38.977.092.952</b>	<b>(17.215.873.010)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	167.804.385.525	129.683.083.401
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(171.697.072.616)	(323.579.252.619)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(3.892.687.091)</b>	<b>(193.896.169.218)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	<b>(7.778.777.549)</b>	<b>(24.941.478.965)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>34.511.476.302</b>	<b>59.468.819.132</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		744.469.378	(15.863.865)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	<b>27.477.168.131</b>	<b>34.511.476.302</b>

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Chu Hồng Hòa



Lê Thế Thủy



Dương Văn Hồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng được thành lập theo quyết định số 993/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại các Đơn vị của Liên hiệp các Xí nghiệp Cơ khí Xây dựng thuộc Bộ Xây dựng. Theo Quyết định số 94/TĐSĐ-HĐQT ngày 30/6/2010 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Sông Đà, Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty TNHH Một thành viên. Theo Quyết định số 915/QĐ-BXD ngày 18/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thì quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng được chuyển giao từ Tập đoàn sông Đà về Bộ Xây dựng. Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106553 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/11/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25/11/2014.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại số 125D Phố Minh Khai – Phường Minh Khai – Q. Hai Bà Trưng – TP. Hà Nội.

**2. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại ;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại ;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại ;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho cán bộ, công nhân kỹ thuật các chuyên ngành cơ khí, xây dựng;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ cho thuê nhà, văn phòng làm việc;
- Thẩm tra thiết kế, tư vấn đầu thầu và thiết kế, thi công xây lắp, cung cấp vật tư, thiết bị, quản lý dự án;
- Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ, lĩnh vực chuyên môn giám sát xây dựng và hoàn thiện;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện;
- Giám sát lắp đặt hệ thống điện các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế hệ thống điện cho các công trình: dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng các dự án phát triển cơ khí, vật liệu xây dựng, điện, hạ tầng viễn thông, dầu khí, các dự án công nghiệp, dân dụng, hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, bao gồm: lập và thẩm tra dự án đầu tư;
- Thi công xây lắp công trình công nghiệp dân dụng giao thông (đường bộ, đường sắt, bến cảng), thủy lợi (công trình trạm bơm, kênh mương, đê kè, hồ đập), cấp thoát nước, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; thi công các hệ thống điện công nghiệp, điện điều khiển và điện dân dụng, công trình đường dây và trạm biến thế điện;
- Thi công lắp đặt các dây chuyền thiết bị đồng bộ;
- Dịch vụ vận tải, xếp dỡ;
- Sản xuất vật liệu cho ngành điện, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất dây truyền thiết bị đồng bộ, vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, công cụ, phụ kiện, các sản phẩm phục vụ ngành xây dựng, điện, giao thông vận tải, thủy lợi, khai thác mỏ và các ngành kinh tế kỹ thuật khác;
- Sản xuất, phân phối điện;

- Kinh doanh dây chuyền thiết bị đồng bộ, vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, công cụ, phụ kiện, các sản phẩm phục vụ ngành xây dựng, điện, giao thông vận tải, thủy lợi, khai thác mỏ và các ngành kinh tế kỹ thuật khác;
- Giáo dục mầm non;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp./.

## **II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

## **III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 200 và các văn bản của Bộ Tài chính hướng dẫn đối với các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: Nhật ký chung.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày theo nguyên tắc giá gốc;

Các Đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của Công ty mẹ được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các Đơn vị trực thuộc. Doanh thu, chi phí và số dư công nợ giữa các Đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính của Công ty mẹ;

Công tác kế toán được tiến hành độc lập tại Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH Một thành viên; COMA 1 - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng; COMA 15 - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng; Trung tâm Xuất nhập khẩu - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng và Nhà máy cơ khí Quang Minh.

Một số khoản giao dịch nội bộ phát sinh giữa Tổng Công ty với các Đơn vị thành viên và giữa các Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty chưa được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính tổng hợp này.

### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### **3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

*Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

*Đầu tư vào Công ty con*

Công ty con là Công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

*Đầu tư vào Công ty liên kết*

Công ty liên kết là một Công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

### **4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm tài chính, là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.

Hợp đồng thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho Tổng Công ty. Tài sản cố định thuê tài chính được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản và giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao như tài sản cố định của Tổng Công ty. Đối với tài sản cố định thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

#### **7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm gồm:

- Chi phí phát hành trái phiếu.
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
- Chi phí dịch vụ tư vấn tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Tổng Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng

thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tổng Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng quy định hiện hành.

### **9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ

Khi lập BCTC số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày lập BCTC.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản là khoản chênh lệch phát sinh khi đánh giá lại các tài sản để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 30/6/2014, được Tổng Công ty ghi nhận theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 24/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ



phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức lợi nhuận được chia, lãi cho vay, các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, thông báo chi trả cổ tức, khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

#### **15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

#### **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Các khoản lỗ liên quan đến khoản đầu tư tài chính;
- Các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**17. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Tổng Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Tổng Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Tổng Công ty.

**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		31/12/2015		01/01/2015	
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>1. Tiền</b>					
Tiền mặt		2.561.950.548		2.147.256.028	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		24.915.217.583		32.364.220.274	
<b>Cộng</b>		<b>27.477.168.131</b>		<b>34.511.476.302</b>	
<b>2. Các khoản đầu tư tài chính</b>					
<b>2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>					
<b>a) Ngắn hạn</b>					
- Tiền gửi có kỳ hạn		10.117.500.000	10.117.500.000	30.744.761.291	30.744.761.291
<b>2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>					
<b>a) Đầu tư vào công ty con</b>					
Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)	142.854.309.244	26.307.982.116	116.546.327.128	127.582.233.098	127.582.233.098
Công ty cổ phần Xây dựng và Lắp máy điện nước số 3 (COMA 3)	13.625.101.461	-	13.625.101.461	9.381.853.244	9.381.853.244
Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp số 7 (COMA 7)	-	-	-	10.200.000.000	10.200.000.000
Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (COMA 16)	3.494.048.593	-	3.494.048.593	3.216.420.000	3.216.420.000
Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17)	8.448.882.024	-	8.448.882.024	7.045.359.735	7.045.359.735
Công ty cổ phần COMA 18 (COMA 18)	23.990.400.000	23.990.400.000	-	72.445.500.000	44.500.177.713
Công ty cổ phần Khóa Minh Khai	77.492.875.548	-	77.492.875.548	3.485.660.000	3.485.660.000
Công ty cổ phần Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước (COMAEL)	5.669.250.000	-	5.669.250.000	5.669.250.000	5.669.250.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư thiết bị số 27 (Coma 27)	4.537.531.880	2.217.582.116	2.319.949.764	12.938.190.119	9.320.290.515
Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và dịch vụ phát triển nông thôn	5.596.219.738	100.000.000	5.496.219.738	100.000.000	100.000.000
<b>b) Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>24.590.462.578</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>28.260.759.574</b>	<b>2.929.516.429</b>
Công ty Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	1.836.527.663	-	1.836.527.663	1.178.013.753	1.178.013.753
Công ty Liên doanh Cơ khí Hà Nội CEC	-	-	-	5.555.940.000	5.555.940.000
Công ty cổ phần Cơ khí và Đầu tư xây dựng số 9	11.080.021.985	-	11.080.021.985	9.852.892.891	9.852.892.891

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CÔNG TY TNHH MTV**

Địa chỉ: Số 125d Minh Khai- Hai Bà Trưng- Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Công ty cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA 25	11.673.912.930		11.673.912.930	11.673.912.930	2.929.516.429	8.744.396.501
<b>e) Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>8.092.728.740</b>	<b>-</b>	<b>4.959.800.000</b>	<b>16.533.728.740</b>	<b>-</b>	<b>16.533.728.740</b>
Liên doanh TCT với Công ty CP Thành Nam, Công ty CP PT đô thị Việt Hưng	-	-	-	6.826.000.000	-	6.826.000.000
Công ty Comare	562.478.011		562.478.011	562.478.011		562.478.011
Cty CP Cơ khí xây dựng số 10	500.000.000		500.000.000			
Cty CP thủy điện Hương Sơn	1.189.390.000		1.189.390.000	3.304.390.000		3.304.390.000
Công ty CP Cơ khí xây dựng số 5	881.060.729		881.060.729	881.060.729		881.060.729
Công ty CP Cơ khí xây dựng Đại Mỗ (COMA 6)	4.959.800.000		4.959.800.000	4.959.800.000		4.959.800.000

**Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn**

Tên công ty	Mối quan hệ	Tỷ lệ quyền biểu	Tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)	công ty con	51,38%	51,38%
Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (COMA 16)	công ty con	53,61%	53,61%
Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17)	công ty con	51,00%	51,00%
Công ty cổ phần COMA 18 (COMA 18)	công ty con	51,00%	51,00%
Công ty cổ phần Khóa Minh Khai	công ty con	67,47%	67,47%
Công ty cổ phần Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước (COMAEL)	công ty con	51,54%	51,54%
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư thiết bị số 27 (Coma 27)	công ty con	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và dịch vụ phát triển nông thôn	công ty con	100,00%	100,00%
Công ty Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	Công ty liên doanh	31,00%	31,00%
Công ty cổ phần Cơ khí và Đầu tư xây dựng số 9	Công ty liên kết	20,00%	20,00%
Công ty cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA 25	Công ty liên kết	20,60%	20,60%

**3. Phải thu khách hàng**
**a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
- Công ty Sandvik Mining and Construction Materials Handling GmbH & Co KG	-	128.605.378.400
- Cty Sinoma - cung cấp thiết bị DA XM Đồng Bành	34.472.561.394	32.623.787.946
- Cty CP VRG Daknong - CT Thủy điện Daksin I	51.951.934.508	81.807.075.182
- Cty CP PT ĐT Thái Sơn Bộ QP - DA nút giao thông	67.286.156.103	-
- Khách hàng khác	149.507.596.359	172.444.129.323
<b>Cộng</b>	<b>303.218.248.364</b>	<b>415.480.370.851</b>

**4. Phải thu khác**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	224.366.406.057	119.237.190	231.879.362.254	4.628.719.065
- Phải thu khác	208.176.099.916	-	215.200.529.922	4.404.967.323
- Tạm ứng	16.190.306.141	119.237.190	16.678.832.332	223.751.742
b) Dài hạn	77.116.408	-	76.222.378	-
- Ký quỹ, ký cược	77.116.408	-	76.222.378	-
<b>Cộng</b>	<b>224.443.522.465</b>	<b>119.237.190</b>	<b>231.955.584.632</b>	<b>4.628.719.065</b>

5. Nợ xấu	Giá gốc	31/12/2015		01/01/2015	
		Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc
<b>a) Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán</b>					
- Phải thu khách hàng	203.434.908	75.525.821	40.985.918.825	19.033.559.086	
- Trả trước cho người bán	134.069.662	5.652.410	1.558.951.427	125.652.410	
- Phải thu khác	-	-	4.404.967.323	1.487.804.842	
- Tạm ứng	119.237.190	-	223.751.742	-	
<b>Cộng</b>	<b>456.741.760</b>	<b>81.178.231</b>	<b>47.173.589.317</b>	<b>20.647.016.338</b>	

6. Hàng tồn kho	Giá gốc	31/12/2015		01/01/2015	
		Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc
Nguyên liệu, vật liệu	2.452.036.615	-	2.345.574.905	-	
Công cụ, dụng cụ	135.331.366	-	181.194.026	-	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	85.654.727.115	-	98.041.012.707	-	
Thành phẩm	17.148.439.523	-	26.477.720.219	-	
Hàng hóa	-	-	72.900.000	-	
Hàng gửi bán	-	-	2.378.960.487	-	
<b>Cộng</b>	<b>105.390.534.619</b>	<b>-</b>	<b>129.497.362.344</b>	<b>-</b>	

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc	Phương tiện	Thiết bị	Tài sản cố	Cộng
		vật kiến trúc	thiết bị	vận tải	DCQL	định khác	
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>							
	Số dư đầu kỳ	121.044.533.637	14.321.482.021	15.810.409.013	9.080.562.572	-	160.256.987.243
	Số tăng trong kỳ	25.483.574.491	3.365.152.134	1.249.268.191	159.850.000	-	30.257.844.816
	- Mua trong năm	-	487.090.910	472.727.273	97.450.000	-	1.057.268.183
	- Đánh giá lại khi xác định GTDN	19.117.742.692	267.529.344	549.268.191	-	-	19.934.540.227
	- Nhận lại từ phân chia liên doanh	1.846.073.259	320.420.270	-	-	-	2.166.493.529
	- Tăng khác	4.519.758.540	2.290.111.610	227.272.727	62.400.000	-	7.099.542.877
	Số giảm trong kỳ	-	4.115.000.000	785.952.381	227.272.727	-	5.128.225.108
	- Thanh lý, nhượng bán	-	4.058.000.000	785.952.381	-	-	4.843.952.381
	- Giảm khác	-	57.000.000	-	227.272.727	-	284.272.727
	Số dư cuối kỳ	146.528.108.128	13.571.634.155	16.273.724.823	9.013.139.845	-	185.386.606.951
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
	Số dư đầu kỳ	24.538.813.179	7.677.955.316	11.685.800.519	7.507.807.726	-	51.410.376.740
	Số tăng trong kỳ	5.325.022.522	2.080.282.935	1.437.771.543	444.397.056	-	9.287.474.056
	- Khấu hao trong kỳ	5.022.217.782	2.080.282.935	937.013.966	444.397.056	-	8.483.911.739
	- Tăng khác	302.804.740	-	500.757.577	-	-	803.562.317
	Số giảm trong kỳ	-	2.766.789.382	4.219.779.683	1.945.899.905	-	8.932.468.970
	- Thanh lý, nhượng bán	-	1.384.285.705	569.567.020	-	-	1.953.852.725
	- Giảm khác	-	1.382.503.677	3.650.212.663	1.945.899.905	-	6.978.616.245
	Số dư cuối kỳ	29.863.835.701	6.991.448.869	8.903.792.379	6.006.304.877	-	51.765.381.826
<b>Giá trị còn lại</b>							
	Tại ngày đầu kỳ	96.505.720.458	6.643.526.705	4.124.608.494	1.572.754.846	-	108.846.610.503
	Tại ngày cuối kỳ	116.664.272.427	6.580.185.286	7.369.932.444	3.006.834.968	-	133.621.225.125
	- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay:						41.242.776.527 đồng

**8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	287.527.260.392	158.450.000	-	287.685.710.392
Phát sinh tăng			2.089.244.932	2.089.244.932
- Tăng khác (*)			2.089.244.932	2.089.244.932
Phát sinh giảm	287.527.260.392	-	-	287.527.260.392
- Chuyển nhượng trong kỳ	287.527.260.392	-	-	287.527.260.392
Số dư cuối kỳ	-	158.450.000	2.089.244.932	2.247.694.932
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ		139.541.670	-	139.541.670
- Khấu hao trong kỳ		18.908.330	-	18.908.330
Số giảm trong kỳ		-	-	-
Số dư cuối kỳ		158.450.000	-	158.450.000
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu kỳ	287.527.260.392	18.908.330	-	287.546.168.722
Tại ngày cuối kỳ	-	-	2.089.244.932	2.089.244.932

(\*) Tăng giá trị thương hiệu COMA theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

**9. Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	5.628.520.278	5.628.520.278
+ Mua sắm	-	-	-	-
-	-	-	-	-
+ Xây dựng cơ bản	-	-	5.628.520.278	5.628.520.278
- Dự án Nhà máy chế tạo TB nâng chuyển	-	-	2.676.400.000	2.676.400.000
- Lô đất E11 Phạm Hùng	-	-	355.627.494	355.627.494
- Dự án 2.5 HH Lê Văn Thâm	-	-	2.388.521.422	2.388.521.422
- Dự án nhà liền kề khu Skylight	-	-	207.971.362	207.971.362
<b>Cộng</b>	-	-	<b>5.628.520.278</b>	<b>5.628.520.278</b>

**10. Chi phí trả trước**

	31/12/2015	01/01/2015
a) Ngắn hạn	2.555.996.417	1.243.251
- Công cụ dụng cụ	2.555.996.417	1.243.251
b) Dài hạn	3.251.920.930	5.831.991.150
- Công cụ dụng cụ	3.251.920.930	5.831.991.150
<b>Cộng</b>	<b>5.807.917.347</b>	<b>5.833.234.401</b>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
a) Phải trả người bán ngắn hạn		
Cty TNHH TB điện nước Hà Nội -HAWEE (BRVT)	4.567.402.934	6.567.402.934
Cty TAIKAI (thiết bị cơ khí thủy công Đăksin)	4.403.603.736	3.984.421.565
Cty CP thủy điện Sông Nậm Cắn	3.402.098.901	23.402.098.901
Cty CP Sản xuất và thương mại Hoàng Đạt	5.000.000.000	-
Cty TNHH Hồng Quân	4.143.043.667	-
Các đơn vị khác	84.789.591.713	91.486.447.560

**b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan**

Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)	29.832.660.910	31.103.612.858
Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (COMA 16)	7.711.999.029	5.782.522.757
Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17)	28.230.174.408	44.438.690.449
Công ty cổ phần COMA 18 (COMA 18)	3.718.305.321	3.364.301.773
Công ty cổ phần Khóa Minh Khai	-	219.813.400
Công ty cổ phần Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước (COMAEL)	9.235.346.363	14.373.265.065
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư thiết bị số 27 (Coma 27)	997.977.260	1.027.764.346
Công ty cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA 25	19.672.602.752	11.125.511.502
<b>Cộng</b>	<b>205.704.806.994</b>	<b>236.875.853.110</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2015
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	56.838.711.564	11.635.698.506	26.376.385.724	42.098.024.346
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	66.098.101.200	12.687.351.675	48.339.230.066	30.446.222.809
Thuế thu nhập cá nhân	481.095.108	252.750.787	403.424.240	330.421.655
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	9.714.266.182	2.299.878.343	2.392.330.368	9.621.814.157
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	634.112.094	14.232.390.833	18.552.140	14.847.950.787
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	38.371.901.846	13.500.848.360	-	51.872.750.206
<b>Cộng</b>	<b>172.138.187.994</b>	<b>54.608.918.504</b>	<b>77.529.922.538</b>	<b>149.217.183.960</b>

(\*) Trong đó bao gồm: số thuế TNDN phải nộp kỳ này là 12.220.465.763 đồng và khoản thuế TNDN tăng theo Biên bản xác định GTDN tại thời điểm 30/6/2014 và tăng số thuế TNDN tạm nộp tại nước ngoài là 466.885.912 đồng.

**b) Phải thu**

Thuế Xuất nhập khẩu	10.613.473	382.428	382.428	10.613.473
Thuế Thu nhập cá nhân	5.882.669	-	-	5.882.669
<b>Cộng</b>	<b>16.496.142</b>	<b>382.428</b>	<b>382.428</b>	<b>16.496.142</b>

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14. Chi phí phải trả**

	31/12/2015	01/01/2015
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Lãi vay phải trả	-	385.259.392
- Phí kiểm toán BCTC	270.000.000	270.000.000
- Trích trước CT Hongsa - Lào	6.759.224.675	57.926.009.392
- Trích trước CT Skylight	47.438.109.416	57.841.395.680
- Trích trước CT TT hội nghị TP Vũng Tàu	2.506.054.559	3.958.423.761
- Trích trước CT Cầu bộ hành	-	3.338.032.683
- Cung thi đấu điền kinh Indoorgame	2.278.559.540	2.853.444.508
- Cầu nguyện Tri Phương	-	2.667.103.538
- Các công trình khác	7.293.697.515	3.336.805.700
- Trích trước tiền lương	-	1.974.091.944
- Chi phí trích trước các công trình của Coma 1	3.366.499.719	6.238.073.114
- Chi phí trích trước các công trình của Coma 15	112.611.060	4.821.876.655
- Chi phí phải trả khác của TT XNK	13.590.000	-
- Chi phí phải trả khác của NM cơ khí Quang Minh	693.676.718	457.184.410
<b>Cộng</b>	<b>70.732.023.202</b>	<b>146.067.700.777</b>

		31/12/2015		01/01/2015	
<b>14. Phải trả khác</b>					
<i>a) Ngắn hạn</i>					
Kinh phí công đoàn		824.792.712		872.050.679	
Bảo hiểm xã hội		4.295.053.079		3.661.268.032	
Bảo hiểm y tế		1.285.035.012		1.194.936.947	
Bảo hiểm thất nghiệp		471.201.436		698.321.626	
Các khoản phải trả, phải nộp khác		210.937.482.508		503.399.091.536	
<b>Cộng</b>		<b>217.813.564.747</b>		<b>509.825.668.820</b>	
<b>16. Vay và nợ thuê tài chính</b>					
	Giá trị	31/12/2015	Tăng	Trong năm	01/01/2015
		Số có khả		Giảm	Số có khả
		năng trả nợ			năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>80.553.561.740</b>	<b>80.553.561.740</b>	<b>168.700.281.525</b>	<b>171.697.072.616</b>	<b>83.550.352.831</b>
<i>+ Vay ngắn hạn</i>					
- Ngân hàng đầu tư và PT VN	1.631.918.000	1.631.918.000	1.631.918.000	-	-
- Bộ Xây dựng	5.200.000.000	5.200.000.000	-	-	5.200.000.000
- Ngân hàng công thương II - Hai Bà Trưng (*)	6.308.305.970	6.308.305.970	15.788.772.208	16.529.763.544	7.049.297.306
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hai Bà Trưng (**)	5.699.404.923	5.699.404.923	70.846.729.377	113.399.738.566	48.252.414.112
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Đông Đô (***)	36.492.160.000	36.492.160.000	46.492.160.000	10.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP ĐT & PT VN- CN Hà Tây (****)	3.320.796.468	3.320.796.468	10.199.565.283	10.581.831.590	3.703.062.775
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Vạn Phúc	2.564.083.889	2.564.083.889	6.594.690.657	5.976.943.916	1.946.337.148
- Tổng công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH MTV	815.741.000	815.741.000	1.350.000.000	534.259.000	-
- Vay đối tượng khác	17.625.255.490	17.625.255.490	14.900.550.000	14.115.200.000	16.839.905.490
<i>+Vay dài hạn đến hạn trả</i>					
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hai Bà Trưng (**)	895.896.000	895.896.000	895.896.000	559.336.000	559.336.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	-	-	-	<b>895.896.000</b>	<b>895.896.000</b>
<i>+ Vay dài hạn</i>					
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hai Bà Trưng (**)				895.896.000	895.896.000

(\*) Theo HĐTD số 58/2014-HĐTD/NHCT/142-TCTCKXD-CTTNHHMTV-COMA ngày 23/06/2014. Thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay thả nổi. Mục đích vay để thanh toán lương cho cán bộ CNV năm 2015.

(\*\*) Theo HĐTD số 12212/316/HĐTD ngày 31/8/2015, hạn mức tín dụng 51.779.470.750 đồng. Thời hạn của HĐTD là 08 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng này, lãi suất thả nổi. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh để thực hiện thi công gói thầu chế tạo vận chuyển và lắp đặt kết cấu thép chính dự án đầu tư xây dựng nút giao thông Trung tâm quận Long Biên. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh theo Hợp đồng nguyên tắc số 16/2015/HĐNT/THAISON-COMA và HĐ số 29/2015/HĐXD-TS. các hợp đồng khác được ký kết liên quan đến dự án nút giao thông Long Biên.



(\*\*\*) HĐTD số 2411506519339TD ngày 23/4/2015, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, phát hành L/C phục vụ thi công dự án Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn theo HĐKT số 17111401/LILAMA-COMA ngày 17/11/2014 và HĐKT số 17111402/LILAMA-COMA ngày 17/11/2014. Thời hạn cấp hạn mức đến khi thực hiện xong dự án, thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức: 04 tháng/khế ước. Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: quyền khai thác tòa nhà điều hành, bất động sản số 241 Quan Hòa, Cầu Giấy, xe ô tô con, khoản phải thu từ HĐKT giữa COMA-LILAMA.

(\*\*\*\*) Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây theo hợp đồng số 01/2015/183458/HĐTD ngày 14/04/2015, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, thời gian vay dưới 12 tháng, lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị của Công ty và quyền sử dụng của bên thứ 3 theo hợp đồng thế chấp số 01/2011/HĐ ngày 29/07/2011.

**17. Vốn chủ sở hữu**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (xem phụ lục số 01)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2015	01/01/2015
Vốn góp của Nhà nước	101.341.009.820	101.649.771.326
<b>Cộng</b>	<b>101.341.009.820</b>	<b>101.649.771.326</b>

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Kỳ này	Kỳ trước
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	101.649.771.326	101.649.771.326
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	308.761.506	-
- Vốn góp cuối kỳ	101.341.009.820	101.649.771.326
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

(\*) Giảm vốn theo quyết định số 716/QĐ-BXD ngày 18/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về giá trị doanh nghiệp để CPH Công ty mẹ- Tổng công ty Cơ khí Xây dựng, và Biên bản bàn giao trên sổ sách các khoản nợ và TS loại trừ không tính vào GTDN Tổng công ty Cơ khí Xây dựng ngày 31/12/2015

**18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	31/12/2015	01/01/2015
a) Ngoại tệ các loại		
- USD	605.341,63	374.308,15
- EUR	38,32	48,09
- JPY	54.622,00	55.943,00

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm 2015	Đơn vị tính: đồng Năm 2014
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
a) Doanh thu		
Doanh thu xây lắp	387.000.299.247	644.786.285.631
Doanh thu Kinh doanh bất động sản	316.226.816.713	345.341.066.549
Doanh thu kinh doanh vật tư	5.596.273.630	91.637.938.357
Doanh thu kinh doanh dịch vụ	16.887.804.373	13.478.726.801
<b>Cộng</b>	<b>725.711.193.963</b>	<b>1.095.244.017.338</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn xây lắp	372.063.790.674	601.919.752.577
Giá vốn bất động sản	259.168.440.240	65.811.377.691
Giá vốn kinh doanh vật tư	5.566.037.222	87.112.351.942
Giá vốn kinh doanh dịch vụ	9.825.138.029	2.519.519.127
<b>Cộng</b>	<b>646.623.406.165</b>	<b>757.363.001.337</b>

	Năm 2015	Năm 2014
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.153.649.062	1.834.914.540
Lãi bán các khoản đầu tư	10.239.000.000	14.183.154.459
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.825.012.610	1.693.500.311
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.569.646.990	3.060.476.948
Lãi cho vay phải thu các đơn vị	167.091.197	895.368.539
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.172.505.090	321.866.207
<b>Cộng</b>	<b>22.126.904.949</b>	<b>21.989.281.004</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
Lãi tiền vay	5.342.618.152	8.575.273.567
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	1.815.411.025	
Lỗ chênh lệch tỷ giá	318.765.518	72.772.415
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	29.284.499.876
Chi phí tài chính khác	-	206.607.000
<b>Cộng</b>	<b>7.476.794.695</b>	<b>38.139.152.858</b>
<b>5. Thu nhập khác</b>		
Thanh lý TSCĐ	672.762.978	526.739.092
Thu phạt vi phạm hợp đồng	-	81.220.046
Thu khác	50.571.166	1.124.753.948
<b>Cộng</b>	<b>723.334.144</b>	<b>1.732.713.086</b>
<b>6. Chi phí khác</b>		
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	536.824.905
Phạt chậm nộp thuế	17.650.291.701	39.386.483.992
Lãi chậm nộp BHXH	352.770.323	461.911.456
Chi phí khác	95.883.811	818.937.416
<b>Cộng</b>	<b>18.098.945.835</b>	<b>41.204.157.769</b>
<b>7. Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	14.828.327.509	21.118.141.358
Chi phí quản lý khác	17.866.459.659	22.766.291.272
<b>Cộng</b>	<b>32.694.787.168</b>	<b>43.884.432.630</b>
<b>8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	12.220.465.763	63.656.572.475
- <b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>12.220.465.763</b>	<b>63.656.572.475</b>
<b>9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		309.002.748.402
Chi phí nhân công		41.728.354.509
Chi phí khấu hao tài sản cố định		8.502.820.069
Chi phí dịch vụ mua ngoài		37.529.473.972
Chi phí khác bằng tiền		46.280.836.708
<b>Cộng</b>		<b>443.044.233.660</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những sự kiện phát sinh trong kỳ kế toán**

Ngày 23/12/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 2368/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng và chuyển thành Công ty cổ phần. Theo Quyết định này thì Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 350.000.000.000 đồng, cổ phần Nhà nước chiếm 51% vốn điều lệ. Năm 2018, tỷ lệ Nhà nước nắm giữ giảm xuống 40% vốn điều lệ.

**2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngày 09/03/2016, Bộ Xây dựng có quyết định số 211/QĐ-BXD về việc Thực hiện bán cổ phần lần đầu của Công ty mẹ - Tổng công ty Cơ khí Xây dựng. Theo đó, tiến trình cổ phần hóa của Tổng Công ty vẫn chưa hoàn tất.

Ngày 30/03/2016, Bộ Xây dựng đã có công văn số 560/BXD-QLDN về việc: thoái vốn cổ phần của COMA tại Công ty CP COMA 18. Theo đó Công tác thoái vốn tại Công ty CP COMA 18 đang được tiếp tục thực hiện.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
1	Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)	Công ty con	Doanh thu bán vật tư	277.174.726
			Chi phí thầu phụ	68.443.621.342
			Cho vay	1.500.000.000
			Thu tiền cho vay	4.700.000.000
			Lãi tiền cho vay	794.558.400
2	Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (COMA 16)	Công ty con	Phí quản lý	250.743.447
			Cổ tức được chia	116.717.910
			Chi phí thầu phụ	6.695.434.909
3	Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17)	Công ty con	Phí quản lý	172.480.180
			Doanh thu bán vật tư	32.389.746
			Chi phí thầu phụ	29.789.794.714
			Cho vay	1.500.000.000
			Thu tiền cho vay	1.500.000.000
			Lãi tiền cho vay	348.431.997
4	Công ty cổ phần COMA 18 (COMA 18)	Công ty con	Chi phí thầu phụ	8.186.233.058
5	Công ty cổ phần Khóa Minh Khai	Công ty con	Phí quản lý	48.275.398
			Cho vay	2.500.000.000
			Doanh thu dịch vụ	110.285.116
6	Công ty CP Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước (COMAEL)	Công ty con	Phí quản lý	295.151.599
			Doanh thu bán vật tư	993.033.753
			Chi phí thầu phụ	16.352.991.769
			Cho vay	4.648.000.000
			Thu tiền cho vay	4.648.000.000
			Lãi tiền cho vay	569.414.000
7	Công ty TNHH MTV Xây lắp và kinh doanh vật tư thiết bị số 27 (COMA 27)	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	10.000.000
			Chi phí thầu phụ	1.049.504.868
			Cho vay	150.000.000
8	Công ty Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	Công ty liên doanh	Cổ tức được chia	-
9	Công ty CP cơ khí và đầu tư xây dựng số 9 (COMA 9)	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	513.000.000
10	Công ty CP Xây lắp và Thương mại COMA 25	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ	7.770.082.955
			Cho vay	1.348.928.129

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) đồng
1	Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)	Công ty con	Phải trả người bán	(29.832.660.910)
2	Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (COMA 16)	Công ty con	Phải trả người bán	(7.711.999.029)
3	Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17)	Công ty con	Phải thu nội bộ	172.480.180
			Phải trả người bán	(28.230.174.408)
4	Công ty cổ phần COMA 18 (COMA 18)	Công ty con	Phải thu nội bộ	3.383.309.842
			Phải thu khác	26.311.219.181
			Phải trả người bán	(3.718.305.321)
5	Công ty cổ phần Khóa Minh Khai	Công ty con	Phải thu nội bộ	409.799.550
			Phải thu khác	11.886.214.709
6	Công ty CP Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước (COMAEL)	Công ty con	Phải thu nội bộ	3.211.753.989
			Phải thu khác	17.451.225.389
			Phải trả người bán	(9.235.346.363)
7	Công ty TNHH MTV Xây lắp và kinh doanh vật tư thiết bị số 27 (COMA 27)	Công ty con	Phải thu khác	1.165.050.527
			Phải trả người bán	(997.977.260)
8	Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và dịch vụ phát triển nông thôn	Công ty con	Phải trả khác	(721.375.000)
9	Công ty Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	Công ty liên doanh	Phải thu khác	359.600.000
10	Công ty CP cơ khí và đầu tư xây dựng số 9 (COMA 9)	Công ty liên kết	Phải thu khác	631.067.193
11	Công ty CP Xây lắp và Thương mại COMA 25	Công ty liên kết	Phải thu nội bộ	260.231.000
			Phải thu khách hàng	13.664.041
			Phải thu khác	1.857.199.283
			Phải trả người bán	(19.672.602.752)

#### 4. Thông tin so sánh

Số dư đầu kỳ và số liệu so sánh được điều chỉnh theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước cho năm 2014 và phân loại lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Khoản mục	Mã số	Số báo cáo năm trước	Số phân loại	Mã số	Số sau phân loại
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Tiền	111	34.468.479.484	42.996.818	111	34.511.476.302
Đầu tư ngắn hạn	121	30.744.761.291	(30.744.761.291)		-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			30.744.761.291	123	30.744.761.291
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	596.736.692.774	41.924.431.512	130	638.661.124.286
Phải thu khách hàng	131	415.165.707.692	314.663.159	131	415.480.370.851
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8.823.651.949	(528.080.509)	132	8.295.571.440
Phải thu ngắn hạn khác	138	189.328.410.648	42.550.951.606	136	231.879.362.254
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	(26.033.708.574)	(492.864.405)	137	(26.526.572.979)

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CÔNG TY TNHH MTV**

Địa chỉ: Số 125d Minh Khai- Hai Bà Trưng- Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Tài sản thiếu chờ xử lý			79.761.661	139	79.761.661
Hàng tồn kho	141	135.422.006.772	(5.924.644.428)	141	129.497.362.344
Tài sản ngắn hạn khác	150	34.562.734.741	(34.012.664.687)	150	550.070.054
Tài sản ngắn hạn khác	158	34.012.664.687	(34.012.664.687)	155	-
Các khoản phải thu dài hạn	210	-	76.222.378	210	76.222.378
Phải thu dài hạn khác	218	-	76.222.378	216	76.222.378
Đầu tư tài chính dài hạn	250	122.356.326.631	(29.284.499.876)	250	93.071.826.755
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	(50.020.394.781)	(29.284.499.876)	254	(79.304.894.657)
Tài sản dài hạn khác	260	8.206.736.439	(2.154.774.943)	260	6.051.961.496
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.866.396.403	(34.405.253)	261	5.831.991.150
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	2.264.117.658	(2.044.147.312)	262	219.970.346
Tài sản dài hạn khác	268	76.222.378	(76.222.378)	268	-
Nợ ngắn hạn	310	1.190.811.211.647	8.048.380.873	310	1.198.859.592.520
Phải trả người bán ngắn hạn	312	237.538.106.642	(662.253.532)	311	236.875.853.110
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	313	34.691.128.440	(48.298.000)	312	34.642.830.440
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	133.635.650.613	38.502.537.381	313	172.138.187.994
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	149.281.390.322	(3.213.689.545)	315	146.067.700.777
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-	318	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	533.919.553.589	(24.093.884.769)	319	509.825.668.820
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	2.111.123.727	321	2.111.123.727
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	3.700.586.898	(4.547.154.389)	322	(846.567.491)
Nợ dài hạn	330	14.618.264.279	-	330	14.618.264.279
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338	13.722.368.279	-	336	13.722.368.279
Vốn chủ sở hữu	410	156.152.854.387	(37.381.314.099)	410	118.771.540.288
Vốn góp của chủ sở hữu	411	118.265.749.933	(16.615.978.607)	411	101.649.771.326
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	33.732.306.159	(33.732.306.159)	416	-
Quỹ đầu tư phát triển	417	2.184.317.099	(1.948.780.452)	418	235.536.647
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	1.903.403.279	23.520.512.058	419	25.423.915.337
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	31.606.459	(31.606.459)	420	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	35.471.458	(8.573.154.480)	421	(8.537.683.022)
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
Giá vốn hàng bán	11	786.543.673.633	(29.180.672.296)	11	757.363.001.337
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21.878.407.733	110.873.271	21	21.989.281.004
Chi phí tài chính	22	8.549.802.982	29.589.349.876	22	38.139.152.858
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	44.488.427.434	(603.994.804)	26	43.884.432.630
Chi phí khác	32	19.850.376.281	21.353.781.488	32	41.204.157.769
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	257.390.514.920	(20.886.609.004)	50	236.503.905.916
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	59.081.079.366	4.575.493.109	51	63.656.572.475
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	199.183.967.756	(25.462.102.113)	60	173.721.865.643

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu



Chu Hồng Hòa

Kế toán trưởng



Lê Thế Thủy

Tổng Giám đốc



Dương Văn Hồng

## Phụ lục số 01: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN và CPH DN	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>115.908.014.954</b>	-	-	<b>235.536.647</b>	<b>31.606.459</b>	<b>1.903.403.279</b>	<b>23.697.404.513</b>	<b>141.775.965.852</b>
Tăng vốn trong năm trước								
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	173.721.865.643	173.721.865.643
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	23.520.512.058	-	23.520.512.058
Giảm vốn trong năm trước								
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	14.258.243.628	-	-	-	31.606.459	-	205.956.953.178	220.246.803.265
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>101.649.771.326</b>	-	-	<b>235.536.647</b>		<b>25.423.915.337</b>	<b>(8.537.683.022)</b>	<b>118.771.540.288</b>
Tăng vốn trong kỳ								
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	31.084.292.069	31.084.292.069
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	225.196.846.693	7.457.590.177	-	-	-	1.694.378.788	234.348.815.658
Giảm vốn trong kỳ								
- Giảm khác (1)	308.761.506	108.297.919.102	7.457.590.177	-	-	-	53.900.015.669	169.964.286.454
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>101.341.009.820</b>	<b>116.898.927.591</b>	-	<b>235.536.647</b>		<b>25.423.915.337</b>	<b>(29.659.027.834)</b>	<b>214.240.361.561</b>

## Ghi chú:

(1) Giảm khác theo BB XD GTDN và BB KTNN, trong đó giảm lợi nhuận gồm:

- Giảm LN dự án 225 Lê Văn Thiêm theo BB xác định GTDN 45.535.431.068 đồng
- Giảm LN giảm hàng tồn kho 29 căn CC và LN phân phối cho Cty Khóa Minh Khai 8.364.584.601 đồng

## Cộng

53.900.015.669